ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 524/BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 02 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quý III/2026 trên địa bàn xã Đại Đồng

Kính gửi:
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Ban chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã.

Thực hiện Công văn số 339-CV/VPĐU ngày 14/9/2026 của Văn phòng Đảng ủy xã Đại Đồng về việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quý III năm 2026, Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW phục vụ cuộc họp Ban chỉ đạo, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng báo cáo kết quả như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình, Kế hoạch các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số năm 2026

Căn cứ sự chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Đề án số 204; các Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh; các Chương trình, Kế hoạch của Đảng ủy xã và các nhiệm vụ do BCĐ xã giao, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành tổng số 177 văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cụ thể:

(Theo Phụ lục 1- Văn bản được ban hành)

2. Công tác phân công nhiệm vụ, xác định nhiệm vụ, cơ chế phối hợp, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện

Nhằm triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn, năm 2026, Ủy ban nhân dân xã tiếp tục chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các phòng, ngành, đơn vị xã, nhất là nhiệm vụ phân công công việc, nhiệm vụ, bố trí nhân lực thực hiện công tác chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, theo đó, bố trí:

- Lãnh đạo UBND xã: đồng chí chủ tịch, chịu trách nhiệm chung về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã; đồng chí Phó chủ tịch phụ trách Văn xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Đối với các phòng, ngành, đơn vị liên quan:

+ Công an xã: Cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo paht triển khao học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 của UBND xã, chịu trách nhiệm chính, chủ trì triển khai nhiệm vụ về Đề án 06 và các nhiệm vụ chuyển đổi số liên quan.

+ Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Chịu trách nhiệm chính tham mưu và triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính, bố trí 01 Trưởng phòng chịu trách nhiệm chung tham mưu UBND xã trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; 01 đồng trí Phó trưởng phòng giúp Trưởng phòng tham mưu, thực hiện nhiệm vụ về về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (kiêm nhiệm vị trí chuyên viên phụ trách chính về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số); 01 đồng chí hợp đồng với UBND xã, phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ về về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

+ Văn phòng HĐND&UBND; Trung tâm Phục vụ Hành chính công và Phòng Kinh tế xã bố trí ít nhất 01 công chức kiêm nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo lĩnh vực chuyên môn phụ trách.

+ Các đơn vị: Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp; Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng xã; Trạm Y tế xã; các cơ sở Giáo dục & Đào tạo trong xã bố trí 01 viên chức kiêm nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đồng thời thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06, UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị tập trung xác định rõ nhiệm vụ chủ trì, nhiệm vụ phối hợp, nhiệm vụ trong hạn, nhiệm vụ có nguy cơ chậm, muộn, điểm nghẽn (nếu có), gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo thời gian, đánh giá kết quả thực hiện đối với sản phẩm đầu ra, đảm bảo chất lượng.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Công tác tổ chức họp, triển khai, giao nhiệm vụ

Trong quý 3/2026, UBND xã đã triệu tập 01 cuộc họp (có Giấy mời) và 10 cuộc họp đột xuất hoặc lồng ghép cùng với cuộc họp thành viên UBND xã. Qua các cuộc họp, UBND xã đã nghiêm túc đánh giá kết quả đạt được trong công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xã gắn với trách nhiệm của người đứng đầu (người đứng đầu UBND xã, người đứng đầu các phòng, ngành, đơn vị xã); chỉ ra những bất cập, tồn tại trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xã. Từ những kết quả đã đạt được, từ những khó khăn, tồn tại, UBND xã đã quán

triệt, định hướng, giao nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo, đồng thời nhấn mạnh, những nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện, cần hoàn thành, đặc biệt giao trách nhiệm cho người đứng đầu gắn với kết quả đạt được trong công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xã.

- Tại cuộc họp, UBND xã đã kết luận tại chỗ, tại thời điểm họp, lãnh đạo UBND xã, các thành viên dự họp đông đủ, đúng giờ, tích cực ghi chép và phát biểu ý kiến tại Hội nghị họp.

- Các phòng, ngành, đơn vị xã chủ động tổ chức họp theo ngành, lĩnh vực, nhiệm vụ được giao, nhằm đánh tổng hợp, giá kết quả đối với nhiệm vụ đã và đang thực hiện, đưa ra những nhiệm vụ đến hạn, trong hạn và có hạn phải hoàn thành theo quy định, đồng thời tháo gỡ khó khăn phát sinh.

1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao

Tính đến hết quý 3/2026, UBND xã được giao thực hiện tổng số 21 nhiệm vụ (Theo Nghị quyết 57-NQ/TW; Kế hoạch số 47-KH/ĐU; Kế hoạch số 49-KH/ĐU và các Kế hoạch của UBND tỉnh, sở Khoa học và Công nghệ tỉnh). Trong đó:

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 19 nhiệm vụ, đạt 90,47%.

+ Số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn: 19 nhiệm vụ, đạt 90,47%.

+ Số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 0 nhiệm vụ, đạt 0%.

- Số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn: 02 nhiệm vụ, đạt 9,53%.

- Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 0%.

(Có Phụ lục 02 - Tổng hợp tiến độ các nhiệm vụ kèm theo)

2. Kết quả Chuyển đổi số

2.1. Cơ chế, quy trình

- Việc tái cấu trúc, chuẩn hóa quy trình xử lý công việc trên môi trường số là một trong những nhiệm vụ rất cần thiết của Chuyển đổi số, nhằm rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền tinh gọn, cắt giảm thành phần thủ tục, hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu sẵn có của người dân và doanh nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi quy trình thủ công sang tự động, liên thông, tối ưu hơn, mang lại hiệu quả cao hơn trong xử lý công việc. Trong quý 3/2026, UBND xã tiếp tục chỉ đạo Trung tâm phục vụ hành chính công chủ trì, phối hợp cùng các phòng, ngành, đơn vị liên quan đẩy nhanh việc rà soát, đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết, nhằm giảm thiểu thao tác trùng lặp, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, đảm bảo liên thông, đồng bộ các dữ liệu. (Có văn bản chỉ đạo).

- Tình hình sử dụng văn bản điện tử, hồ sơ công việc điện tử, phương thức xử lý công việc trên môi trường số: Trong thời gian qua, 100% văn bản của UBND xã được ký số, phát hành trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định). Xã đã thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ trên môi trường mạng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tỷ lệ hồ sơ công việc trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành đạt 100%. Tỷ lệ thực hiện chữ ký số

cá nhân của các đồng chí lãnh đạo quản lý đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định). 100% văn bản của các đơn vị trường học đều được ký số, phát hành trên môi trường mạng (qua hệ thống phần mềm quản lý và điều hành); tỷ lệ xử lý hồ sơ trên nền tảng số của cán bộ, công chức, viên chức (cả viên chức Giáo dục) đạt 100%, như: xử lý công việc, nhiệm vụ hàng ngày được gia trên môi trường điện tử (xin ý kiến, trình ký, phân luồng công việc, giáo án số, kế hoạch dạy học số, học bạ số, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức số, ...). Theo kết quả tổng hợp, đánh giá của UBND tỉnh về tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử, hiện tại xã Đại Đồng đã đảm bảo đạt tỷ lệ 100%.

- Tình hình cấp phát, cấp phát và sử dụng chữ ký số: UBND xã đã có văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, Cục chứng thư số, Ban cơ yếu Chính phủ cấp mới, gia hạn, thay đổi thông tin chữ ký số chuyên dùng công vụ cho tổng số 50 cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cả viên chức của Trạm Y tế xã và Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng xã). Tuy nhiên, do yếu tố khách quan mang lại, Cục chứng thư số, Ban cơ yếu Chính phủ hiện tại đang hết phôi bút ký chữ ký số chuyên dùng công vụ, nên chưa cấp cho các địa phương trong cả nước, trong đó có xã Đại Đồng.

2.2. Hạ tầng số, thiết bị và điều kiện kỹ thuật

- Hạ tầng CNTT được ưu tiên phát triển nhanh, phát triển trước để đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã. UBND xã đã phối hợp cùng các đơn vị doanh nghiệp viễn thông - CNTT nâng cấp đường truyền mạng internet băng rộng cáp quang tại các cơ quan nhà nước và 100% các thôn, làng (tính cả các hộ dùng chung gói cước); đã đầu tư, mua sắm trang thiết bị máy móc CNTT cho hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảm bảo thông suốt, đặc biệt ưu tiên đầu tư cho hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã được trang bị thiết bị, hạ tầng công nghệ (08 máy tính, 01 máy phô tô và scan tài liệu, 05 máy scan A4, A3, 06 máy in, 01 máy lấy số tự động kết hợp màn hình hiển thị tra cứu thông tin, 02 màn hình led hiển thị thông tin, 01 màn hình hiển thị số thứ tự, 05 màn hình theo dõi thông tin, 01 kios thông minh, mạng wifi riêng, ...), cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Quý 3/2026, UBND xã Đại Đồng đã bố trí nguồn kinh phí trên 900.000.000 đồng để mua sắm trang thiết bị đầu cuối, máy tính cho công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ; bố trí hơn 200.000.000 đồng để đầu tư lắp màn hình họp trực tuyến cho các thôn trong xã. Đến hiện tại, xã Đại Đồng đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ cung cấp trang thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ. Hiện xã có 31/35 CBCC có máy tính, thiết bị làm việc cơ bản đạt yêu cầu, đạt 89%, còn lại 04/35 CBCC có máy tính thiết bị làm việc ổn định, nhưng chưa đạt theo yêu cầu quy định.

- UBND xã hiện đang dùng hệ thống mạng LAN, wifi tập trung, một số ít máy được trang bị phần mềm chống mã độc. Đã hoàn thành rà soát, đầu tư, nâng cấp mạng LAN; đã tiến hành mua sắm trang thiết bị đầu cuối tại các phòng, ngành, đơn vị (máy tính, máy in, máy scan, ...); đã hoàn thành cung cấp, lắp đặt màn hình họp trực tuyến tới các thôn; đã hoàn thành lắp đặt wifi công cộng tại

các thôn trong xã; đã hoàn thành rà soát bản quyền window, office, định hướng đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể.

- Xã hiện có 01 kênh truyền số liệu chuyên dùng, đã đăng ký thêm TSLCD vào năm 2027. Hạ tầng CNTT phục vụ Hội nghị trực tuyến hoạt động ổn định; hệ thống camera của xã phát huy hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, kiểm soát người ra, vào trụ sở liên hệ công việc. Hạ tầng kết nối số tiếp tục được mở rộng, phủ sóng 4G đến 100% số thôn, làng trên địa bàn. Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh ngày càng cao. trên 90% người dân trong độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh có kết nối 3G,4G, đang định hướng phủ sóng 5G.

2.3. Hệ thống thông tin, nền tảng ứng dụng số

- Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị xã cơ bản đã linh hoạt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành, triển khai công việc. 100% cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý đã ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành công việc; thực hiện các thao tác giao nhiệm vụ theo phân cấp phân quyền trên hệ thống điều hành và quản lý văn bản. Ngoài ra, để thuận tiện, cán bộ lãnh đạo quản lý và CCVC nói chung trong toàn xã đã lập, tham gia các nhóm Zalo công việc chung theo ngành, lĩnh vực phụ trách (trừ văn bản mật theo quy định), nhằm kịp thời nắm bắt thông tin, trao đổi công việc, giúp xử lý công việc kịp thời gian. Trong giới hạn cho phép, nhiều cán bộ, công chức, viên chức đã linh hoạt vận dụng trí tuệ nhân tạo AI, CHATGPT, NotebookLM, ... để tham khảo, xử lý trong công việc chuyên môn.

- Các cơ quan nhà nước trên địa xã tiếp tục triển khai, ứng dụng hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung như: Phần mềm văn bản quản lý và điều hành, Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống báo cáo chính phủ… Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: CSDL quốc gia về dân cư, Tư pháp - hộ tịch, nội vụ, văn hóa, đất đai, đăng ký kinh doanh, bảo trợ xã hội… đảm bảo ứng dụng và kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ, ngành, tỉnh triển khai. Sử dụng kịp thời, hiệu quả thư điện tử công vụ (Email) trong hoạt động quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ hàng ngày.

- Đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác absn trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử, ...

- Cổng thông tin điện tử xã tiếp tục hoạt động hiệu quả, đã kịp thời cung cấp, đăng tải tin, bài, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy - Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, trong đó bao gồm các mục: Thông tin tuyên truyền; Tin tức - Sự kiện; Chuyển đổi số; Cải cách hành chính; Bầu cử; Văn bản

ban hành. Trong quý 3 năm 2026, đã đăng tải trên 40 tin, bài và trên 500 văn bản chỉ đạo, điều hành.

- Phần mềm dữ liệu dân cư tiếp tục được Công an xã triển khai, vận hành, kịp thời, hiệu quả, theo đó tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đạt 100%. Tiếp tục hướng dẫn công dân đủ từ 14 tuổi trở lên trong toàn xã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2; tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho công dân tích hợp giấy tờ, nhằm thuận tiên trong việc giao dịch, thực hiện thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến của công dân; đã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 được 87,5%.

2.4. Dữ liệu số

UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị tập trung làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu, nhất là các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: CSDL quốc gia về dân cư, Tư pháp - hộ tịch, đất đai, đăng ký kinh doanh, bảo trợ xã hội… đảm bảo ứng dụng và kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ, ngành, tỉnh triển khai.

Đã ban hành văn bản yêu cầu các cơ sở Giáo dục tăng cường công tác quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng liên quan đến công tác chuyển đổi số giáo dục; thực hiện việc kết nối, đồng bộ dữ liệu học bạ số, tạo lập văn bằng số để cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đạo tạo theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. 100% các trường học đã thực giáo án điện tử, lập bảng điện tử, vận dụng công nghệ AI hiệu quả trong hoạt động dạy và học.

Các cơ sở dữ liệu: khám chữa bệnh, dữ liệu về dược, tiêm chủng, bệnh án điện tử, lao động việc làm, trẻ em, bảo hiểm đang được xã đẩy mạnh làm sạch, làm giàu và khai thác, sử dụng hiệu quả.

Việc xây dựng, quản lý, khai thác các cơ sở dữ liệu

- Cơ sở dữ liệu hộ tịch: 100% hồ sơ đăng ký hộ tịch được nhập, quản lý trên phần mềm đăng ký hộ tịch quốc gia. Xã đã tiếp nhận và xử lý trực tuyến 2.127/2.203 hồ sơ hộ tịch (khai sinh, khai tử, kết hôn), đạt 96,6%; 100% hồ sơ được số hóa và lưu trữ trên hệ thống điện tử.

- Cơ sở dữ liệu dân cư, TTHC: Tiếp nhận và xử lý 100% hồ sơ.

- Cơ sở dữ liệu đất đai: Đã tiếp nhận, xử lý trực tuyến đạt tỷ lệ 99,8%.

- Cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội: Đã tiếp nhận, xử lý đạt tỷ lệ 97,8%.

- Cơ sở dữ liệu về người có công: Đã tiếp nhận, xử lý đạt tỷ lệ 97,6%.

- Cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh: Đã tiếp nhận, xử lý đạt tỷ lệ 100%.

- Cơ sở dữ liệu phần mềm giáo dục: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác bán trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử, ...

2.5. Kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu

Trong quý 3/2026, việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thường xuyên, liên tục, góp phần phục vụ kịp thời công tác quản trị, chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. UBND xã đã ban hành Công văn và Báo cáo đề xuất chia sẻ, kết nối, liên thông dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và của các Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ sở dữ liệu các sở, ngành liên quan, nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu (đất đai, y tế, dân cư, giáo dục, văn hóa, ...).

2.6. An toàn, an ninh thông tin

UBND xã Đại Đồng luôn sâu sát trong công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, thường xuyên rà soát hạ tầng máy móc thiết bị, phần mềm phòng, chống mã độc, cụ thể:

- Đã triển khai cài đặt phần mềm phòng chống mã độc (BKAV, SMART IR, Kaspersky); đã rà soát, đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ, tiếp tục cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc SMART IR cho 100% máy tính thuộc các phòng, ban, đơn vị xã (do phần mềm cũ đã sắp hết hạn); đã hoàn thành rà soát, đăng ký về bản quyền window, office cho toàn bộ hệ thống máy tính của 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc xã vào năm 2027.

- Tham gia tập huấn, diễn tập thực chiến theo triệu tập của cấp trên.

- Đã ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng thông tin xã Đại Đồng;

- Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25/5/2026 về việc đề nghị Công an tỉnh phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ (mạng LAN) cấp độ 2 tại UBND xã Đại Đồng, kèm theo Hồ sơ cấp độ của xã Đại Đồng. Đã được Công an tỉnh phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn cho hệ thống thông tin, an ninh mạng xã; đã ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin cho 04 hệ thống thông tin cốt lõi của xã (Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Cổng thông tin điện tử xã; hệ thống một cửa; hệ thống cổng dịch vụ liên thông các bộ, ngành).

- Trong quý 3/2026, trên địa bàn xã chưa ghi nhận phát sinh sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng nghiêm trọng.

2.7. Tài chính, đầu tư, mua sắm

*** Nguồn kinh phí được cấp đầu năm 2026**

*** Được cấp:** 2.540.000.000 đồng, gồm:

- Kinh phí tập huấn: 300 triệu đồng;

- Kinh phí Hạ tầng CNTT (mạng LAN,...): 850 triệu đồng;

- Kinh phí triển khai mô hình ứng dụng khoa học công nghệ: 1.030 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Chuyển đổi số giáo dục: 360.000.000 đồng.

*** Tình hình sử dụng, giải ngân nguồn kinh phí đầu năm**

- Đã hoàn thành chi nhiệm vụ tập huấn: 300.000.000 đồng.

- Đã hoàn thành chi nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục: 360.000.000 đồng.

- Đã hoàn thành chi nhiệm vụ đầu tư mạng LAN: 850.000.000 đồng.

- Kinh phí triển khai mô hình ứng dụng khoa học công nghệ: Xã Đại Đồng triển khai 02 mô hình (mô hình nuôi gà Đông Tảo và mô hình trồng khoai tây). Đến nay, mô hình nuôi gà Đông Tảo với KP là 505.000.000 đồng đã hoàn thành, còn mô hình trồng khoai tây với kinh phí là 525.000.000 đồng đang triển khai, dự kiến quyết toán KP vào tháng 11.

*** Tổng KP hoàn thành là: 2.015.000.000 đồng/2.540.000.000 đồng, đạt tỷ lệ 79,33%.**

*** Nguồn kinh phí cấp bổ sung theo Quyết định 2322 của UBND tỉnh**

*** Được cấp: 1.550.000.000, gồm:**

- Đầu tư, nâng cấp mạng LAN: 1.200.000.000 đồng.

- Hệ thống zalo mini app: 200.000.000 đồng.

- Wifi công cộng: 150.000.000 đồng.

*** Tình hình sử dụng giải ngân:**

- Đã hoàn thành nhiệm vụ wifi công cộng : 150.000.000 đồng.

(Đang hoàn thiện chứng từ, hồ sơ thanh quyết toán)

- Đã hoàn thành nhiệm vụ zalo mini app: 200.000,000 đồng.

- Đang triển khai nhiệm vụ nâng cấp mạng LAN:1.200.000.000 đồng (Đã ban hành các Quyết định, thực hiện đăng thầu công khai theo quy định, ...), dự kiến quyết toán KP và tháng 12.

*** Kinh phí đã hoàn thành là: 350.000.000 đồng/1.550.000 đồng, đạt tỷ lệ 22,58%.**

*** Tổng kính phí đã hoàn thành là 2.365.000.000đ/4.090.000.000đ, đạt 57,82%.**

3. Kết quả tổ chức "Bình dân học vụ số"

3.1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 09/02/2026 về Phong trào "Bình dân học vụ số", Kế hoạch số 159/KH-UBND về việc tập huấn công tác chuyển đổi số (kỹ năng số, an toàn thông tin mạng, dữ liệu cá nhân, ứng dụng AI) và một số văn bản khác về tập huấn, tham gia Phong trào "Bình dân học vụ số". Kết quả:

Trong 03 ngày vừa qua (từ ngày 25-27/7/2026), Ủy ban nhân dân xã đã hoàn thành tổ chức 03 lớp tập huấn truyền đạt kỹ năng cơ bản để sử dụng công cụ hỗ trợ AI trong công việc,

- Lớp số 01: Truyền đạt kỹ năng số cơ bản, kỹ năng khai thác và sử dụng công cụ Trợ lý ảo (AI) cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng xã, tổ công nghệ số cộng đồng thôn trong toàn xã.

- Lớp số 02: Truyền đạt kỹ năng số cơ bản, kỹ năng khai thác và sử dụng công cụ Trợ lý ảo (AI), công tác đảm bảo an toàn an ninh mạng, an ninh thông tin

cho đối tượng cán bộ, viên chức các trường Mầm non trong toàn xã.

- Lớp số 03: Truyền đạt kỹ năng số cơ bản, kỹ năng khai thác và sử dụng công cụ Trợ lý ảo (AI), công tác đảm bảo an toàn an ninh mạng, an ninh thông tin cho đối tượng cán bộ, viên chức các trường Tiểu học và Trung học cơ sở trong toàn xã.

Kết quả: Có tổng số 430 học viên tham dự 03 lớp tập huấn. Qua tập huấn, cơ bản các học viên đã nắm bắt được các kỹ năng số, dịch vụ số, biết cách tiếp cận và sử dụng dịch vụ số, nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công. Đặc biệt, các học viên là các giáo viên MN, TH, THCS đã tích cực khai thác, sử dụng tính năng của AI để thiết kế giáo án, bài giảng, truyện tranh, bản nhạc, ... có sản phẩm feeback lại cho ban tổ chức, thầy cô truyền đạt. tỷ lệ 100% học viên đã tích cực và biết sử dụng, khai khác công cụ trợ lý ảo (AI).

3.2. Đối với Nhân dân

- Nhằm trang bị cho người dân, người lao động trong các công ty, doanh nghiệp kỹ năng để tương tác với môi trường số, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số khác, đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện dấu hiểu lừa đảo trên mạng, UBND xã ban hành văn bản hướng dẫn, khuyến khích người dân tham gia khóa học trực tuyến trên nền tảng "Bình dân học vụ số"; tham gia Phong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học tập số"; khuyến khích các em học sinh tham gia Phong trào "Bình dân học vụ số" với chủ đề "Cùng em vững bước an toàn trên không gian mạng" tại các đường link cụ thể về phong trào "Bình dân học vụ số", địa chỉ nền tảng học trực tuyến MOOCs, đường link của Bộ Công an, ... Qua đó, đã tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ số trong cuộc sống số hàng ngày, từ kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến an toàn, kỹ năng nhận diện các trang web và dịch vụ lừa đảo...

- UBND xã đã chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã tăng cường lồng ghép thông tin tuyên truyền về Phong trào "Bình dân học vụ số" trên hệ thống truyền thanh của xã, của các thôn. Kết quả: Đã thông tin tới 11/11 thôn, đạt tỷ lệ 100%; tổng số có 100% thôn và các dơn vị trường học đã triển khai hiệu quả Phong trào "Bình dân học vụ số".

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã phối hợp Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Đoàn thanh niên, Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn hướng dẫn, hỗ trợ người dân tạo tài khoản, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến với tổng số 9.505 lượt hồ sơ trực tuyến.

- UBND xã đã chỉ đạo Công an xã tiếp tục hướng dẫn công dân đủ từ 14 tuổi trở lên trong toàn xã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2; tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho công dân tích hợp giấy tờ, nhằm thuận tiên trong việc giao dịch, thực hiện thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến của công dân; đã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 được 87,5%; tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán đạt 88,3%; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số trong y tế, giáo dục, an sinh xã hội ngày càng tăng (nộp học phí online, hồ sơ khám sức khỏe điện tử, ...).

- Thời gian qua, việc thanh toán điện tử trên địa bàn xã đang ngày càng phổ biến, sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch trực tuyến, hình thức quét mã thanh toán được doanh nghiệp và người dân áp dụng rộng rãi, ước khoảng trên 70% người dân đã dần bỏ đi thói quen thanh toán tiền mặt, chuyển sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (thanh toán trên nền tảng mạng: quét mã, chuyển qua tài khoản, chuyển qua dịch vụ số như ví momo, dịch vụ ngân hàng,... để thanh toán tiền điện, nước, ăn, uống, đóng học phí, lệ phí, thu phí, dịch vụ mua sắm online,...).

3.3. Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng

Sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại các thôn trên địa bàn, hiện tại, xã Đại Đồng có tổng số 11 thôn, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng xã và 11 Tổ công nghệ số cộng đồng tại 11 thôn, đạt tỷ lệ 100% (sau sáp nhập, tổ chức lại, tên của các thôn được đặt lại cho phù hợp tình tình thực tiễn). Tổng số thành viên tham gia Tổ công nghệ số cộng đồng xã và thôn là 147 người (Tổ công nghệ số cộng đồng xã: 27 người; Tổ công nghệ số cộng đồng thôn (120 người). Thành phần của Tổ công nghệ số cộng đồng xã là: cán bộ, công chức, viên chức thuộc các phòng, ngành, đơn vị xã phụ trách, được giao đầu mối thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số và Đề án 06. Thành viên tham gia Tổ CNSCĐ tại các thôn gồm: Bí thư, Trưởng thôn, trưởng Ban công tác mặt trận thôn, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn thanh niên, chi hội phụ nữ, nông dân,...) có lòng nhiệt tình, tích cực tham gia các hoạt động, đặc biệt là có kỹ năng số cơ bản, biết khai thác, sử dụng các nền tảng công nghệ số, nhiệt tình hướng dẫn người dân.

Sau khi được thành lập, kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng của xã, các thôn trong xã duy trì hoạt động thường xuyên theo chỉ đạo, hướng dẫn, nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 30/01/2026 của UBND xã, nhằm đạt được những mục đích, yêu cầu đã đề ra. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Tổ công nghệ số cộng đồng tập trung vào các nhiệm vụ chính như: tuyên truyền, hướng dẫn người dân về kỹ năng số, nền tảng số, khai thác dịch vụ số trên không gian mạng, dịch vụ công trực tuyến, sử dụng các nền tảng, phần mềm dùng chung để nộp hồ sơ trực tuyến, nhất là biết sử dụng tài khoản VNeID để thực hiện các thao tác nộp hồ sơ, biết nhận diện dấu hiệu lừa đảo trên không gian mạng, biết bảo vệ dữ liệu cá nhân, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng; hướng dẫn người dân tham gia học trên nền tảng "Bình dân học vụ số". Qua thực tiễn, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số của toàn xã, góp phần xây dựng xã hội số, phát triển kinh tế số và xây dựng chính quyền số.

- Kết quả: Trong thời gian qua, Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn phối hợp đã thực hiện hướng dẫn, thu nhận được 26.714 lượt tài khoản và đạt tỷ lệ kích hoạt dịnh danh điện tử 87,5%. Trong thời gian qua, trên địa bàn xã có tới trên 23.000 lượt người tham gia "Binh dân học vụ số" trên các nền tảng, trong đó có trên 22.000 lượt người đã được thống kê theo dữ liệu của sở Khoa học và Công nghệ tỉnh. Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn đã phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với cán bộ tại Trung tâm phục vụ hành chính công, Đoàn thanh niên xã tích cực hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến (tiếp cận, đăng nhập,

xác thực tài khoản, tra cứu thủ tục, tra cứu từng bước, từng thao tác nộp hồ sơ online, thanh toán lệ phí trực tuyến, tìm hiểu, tra cứu, theo dõi kết quả hồ sơ online) theo quy định. Trong thời gian qua, đã hướng dẫn, hỗ trợ được tổng số 9.505 hồ sơ nộp trực tuyến.

4. Chính quyền số và cải cách hành chính

4.1. Giải quyết thủ tục hành chính

- Hoàn thành việc tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với 452 TTHC cấp xã đã được UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia (bao gồm cả các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Công an).

- Đã cấu hình và thiết lập tài khoản cho 100% cán bộ, công chức thuộc UBND xã trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên phục vụ cho việc tiếp nhận và giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.

- Đảm bảo duy trì và cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu đã tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Đảm bảo 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Kết quả: Trong quý 3/2026 tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ tại Trung tâm phục vụ HCC là 1268 hồ sơ, trong đó:

- Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến là 1268/1268 hồ sơ, tỉ lệ 100%;

- Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp là 0 hồ sơ, tỉ lệ 0%.

+ Hồ sơ trước hạn: đạt tỷ lệ 99%

+ Hồ sơ đúng hạn: 1%;

+ Hồ sơ quá hạn : 0%;

- Tỷ lệ số hóa kết quả là 99,9%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt 99,8%.

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ: 99,03%.

- Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ : 100%.

4.2. Số hóa và khai thác dữ liệu

- Cơ sở dữ liệu hộ tịch: 100% hồ sơ đăng ký hộ tịch được nhập, quản lý trên phần mềm đăng ký hộ tịch quốc gia. Xã đã tiếp nhận và xử lý trực tuyến 2.127/2.203 hồ sơ hộ tịch (khai sinh, khai tử, kết hôn), đạt 96,6%; 100% hồ sơ được số hóa và lưu trữ trên hệ thống điện tử.

- Cơ sở dữ liệu dân cư, TTHC: Tiếp nhận và xử lý 100% hồ sơ.

- Cơ sở dữ liệu đất đai: Đã tiếp nhận, xử lý đạt tỷ lệ 99,8%.

- Cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội: Đã tiếp nhận, xử lý đạt tỷ lệ 97,7%.

- Cơ sở dữ liệu về người có công: Đã tiếp nhận, xử lý đạt tỷ lệ 97,5%.

- Cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh: Đã tiếp nhận, xử lý đạt tỷ lệ 100%.

5. Phát triển kinh tế số

Hiện nay, thực trạng môi trường thương mại điện tử của xã Đại Đồng đã và đang phát triển khá mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng khá cao nhờ sự bùng nổ của thương mại điện tử di động, sự ứng dụng công nghệ thông minh và hình thức thanh toán không dùng tiêng mặt. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng cao, nhiều doanh nghiệp, cá nhân và hộ kinh doanh trong xã đã và đang tham gia hoạt động thương mại điện tử trên một số sàn giao dịch và chủ yếu trên các nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook,...). 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể khi xuất hóa đơn giao dịch đều là hóa đơn điện tử.

UBND xã đã tập trung, lồng ghép tuyên truyền tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số, sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử, ... trong các hoạt động kinh doanh; đẩy mạnh tuyên truyền về các hoạt động khoa học công nghệ, kinh tế số, nhấn mạnh sự khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đổi mới mô hình kinh doanh trong phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng linh hoạt công nghệ số, quản trị số để tạo ra các giá trị mới, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, đảm bảo tính phù hợp với nhua cầu của khách hàng, vận dụng nền tảng kết nối với khách hàng ở bất cứ nơi đâu, kết nối người bán và người mua thông qua nền tảng công nghệ số,... Trong thời gian qua, tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể vận dụng các nền tảng công nghệ để bán hàng, có sự đổi mới mô hình kinh doanh trong hoạt động kinh doanh số, tuy nhiên sự tiếp cận và đổi mới đó còn khiêm tốn, hạn chế.

Thời gian qua, việc thanh toán điện tử trên địa bàn xã đang ngày càng phổ biến, sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch trực tuyến, hình thức quét mã thanh toán được doanh nghiệp và người dân áp dụng rộng rãi, ước khoảng trên 70% người dân đã dần bỏ đi thói quen thanh toán tiền mặt, chuyển sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

6. Về xã hội số

- Định danh điện tử: UBND xã đã chỉ đạo Công an xã tiếp tục hướng dẫn công dân đủ từ 14 tuổi trở lên trong toàn xã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2; tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho công dân tích hợp giấy tờ, nhằm thuận tiên trong việc giao dịch, thực hiện thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến của công dân; đã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 được 87,5%; tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán đạt 88,3%; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số trong y tế, giáo dục, an sinh xã hội ngày càng tăng (nộp học phí online, hồ sơ khám sức khỏe điện tử, ...).

- Y tế số: Đã và đang thúc đẩy làm giàu, làm sạch, chuẩn hóa các dữ liệu y tế, y dược, hồ sơ sức khỏe điện tử; đang đẩy nhanh khám sức khỏe toàn dân, kết quả đạt tỷ ....

- Giáo dục số: Đã ban hành văn bản yêu cầu các cơ sở Giáo dục tăng cường công tác quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng liên quan đến công tác chuyển đổi số giáo dục; triển khai nâng cấp hệ thống quản lý nhà nước SMAS 4.0 tại các cơ sở giáo dục; đã và đang triển khai tới 03 cơ sở Giáo dục trong xã về việc kết nối, đồng bộ dữ liệu học bạ số, tạo lập văn bằng số để

cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đạo tạo theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. 100% các trường học đã thực giáo án điện tử, lập bảng điện tử, vận dụng công nghệ AI hiệu quả trong hoạt động dạy và học.

- Hiện nay, các cơ sở giáo dục đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác absn trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử, ... sử dụng sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, giáo án điện tử, ... Ngoài ra, các cơ sở giáo dục còn sử dụng CNTT trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính, đăng, tải thông tin tuyển sinh, ... Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy và học; tạo ra môi trường học tập hiện đại, sáng tạo, linh hoạt; góp phần phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; giúp học sinh tư duy sáng tạo, phát triển khả năng tự học.

- Cơ sở dữ liệu phần mềm giáo dục: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác bán trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử, ...

7. Kết quả thực hiện khoa học, công nghệ

Thường xuyên được triển khai thực hiện theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; đã hoàn thành ban hành và thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND của UBND tỉnh.

Triển khai thực hiện nghiêm Công điện số 38/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan đến công tác sở hữu trí tuệ; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo ngày, tuần, tháng về kết quả thực hiện Công điện số 38/CĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.Từ ngày 16/6/2026 - 14/9/2026, trên địa bàn xã không ghi nhận phát sinh vụ việc về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các phòng, ngành, cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tích cực khai thác, sử dụng công cụ hỗ trợ trí tuệ nhân tạo (AI), nhằm khai thác những tính năng ưu việt của (AI), giúp chúng ta giảm thiểu thời gian xử lý công việc chuyên môn.

Năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí và chủ trì triển khai thực hiện 02 mô hình ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ. Nhằm kịp thời triển khai thực hiện mô hình theo lộ trình thời gian quy định, UBND xã đã giao Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã, các phòng, ngành, đơn vị, tổ chức liên quan triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ đối với 02 mô hình:

Mô hình 1: Mô hình nuôi gà giống Đông Tảo Lai (Đông Tảo x Lượng Phượng) an toàn sinh học tại xã Đại Đồng.

Mô hình 2: Xây dựng mô hình liên kết sản xuất khoai tây Atlantic từ củ giống khí canh theo hướng hữu cơ tại xã Đại Đồng.

Đến thời điểm hiện tại (10/9/2026), xã Đại Đồng cơ bản đã triển khai xong 01 mô hình, đó là mô hình nuôi gà giống Đông Tảo Lai (Đông Tảo x Lượng Phượng) an toàn sinh học tại xã Đại Đồng (Tìm hiểu, lựa chọn đơn vị cung ứng giống; tổ chức Hội nghị triển khai; tổ chức tập huấn kỹ thuật), đang hoàn thiện thủ tục hồ sơ chứng từ thanh quyết toán kinh phí. Mô hình 2 sẽ được triển khai từ tháng 9-12/2026 (do tính chất đặc thù mùa vụ khoai tây vào quý 4 hàng năm).

Tổng kinh phí của hai mô hình là: 1.030.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*). Hiện tại nguồn kinh phí đã được thi thực hiện nhiệm vụ là 529.375.000 đồng (*Năm trăm hai mươi chín triệu ba trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng*); kinh phí còn lại sẽ thực hiện trong quý 4/2026 là 500.625.000 (*Năm trăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Chuyển đổi số đã và đang mang lại cho chúng ta những kết quả khả quan trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành, ngày càng phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp. Công nghệ số đã giúp cho việc quản trị, quản lý, vận hành, điều hành được nhanh hơn, tiết kiệm chi phí thực hiện theo phương thức thủ công, tiết kiệm chi phí in, phô tô tài liệu, chuyển phát tài liệu, ...

- Các thủ tục hành chính được xử lý, giải quyết gọn gàng, kịp thời qua hệ thống dịch vụ công quốc gia, nhất là các thủ tục phi địa giới hành chính; các thủ tục hành chính được tích hợp ngay trên ứng dụng định danh điện tử VNeID.

- Nhận thức của đông đảo người dân về vai trò, tầm quan trọng, lợi ích của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đang ngày càng có những chuyển biến tích cực.

2. Khó khăn

- Nguồn nhân lực cho công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu, chưa có cán bộ chuyên trách, hiện nay đang là đồng chí Phó trưởng phòng Văn hóa - Xã hội trực tiếp chuyên trách thực hiện nhiệm vụ.

- Một số nhiệm vụ thiếu kinh phí để triển khai thực hiện(hệ thống chiếu sáng thông minh, camera an ninh, hệ thống thư việc cộng cộng thông minh, bản đồ số xã, hệ thống ra, vào thông minh, ...).

- Tốc độ xử lý của hệ thống Cổng DVCQG nhiều lúc xử lý chậm; Tình trạng treo trang, không truy cập được vẫn còn xảy ra; Tốc độ tải biểu mẫu, đính kèm hồ sơ còn chậm dẫn đến việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến bị kéo dài thời gian.

- Trình độ và kỹ năng số của cán bộ và người dân còn hạn chế, chưa đồng đều. Đa số người dân còn chưa quen hoặc e ngại khi thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

*** Nguyên nhân khách quan**

- Công cuộc tinh gọn bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp với tổng số biên chế về công chức, viên chức theo định biên cụ thể, nên hiện tại chưa thể tuyển dụng công chức chuyên trách về công nghệ thông tin, dẫn đến nguồn nhân lực cho công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu, chưa có cán bộ chuyên trách, hiện nay đang là đồng chí Phó trưởng phòng Văn hóa - Xã hội chuyên trách trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Hiện tại, đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khối lượng, số lượng công việc, nhiệm vụ nhiều, độ khó công việc cao, thời hạn xử lý thực thi nhiệm vụ ngắn (ít), thậm chí có nhiều nhiệm vụ đột xuất, phát sinh, hỏa tốc.

- Kinh phí để đầu tư cho các hoạt động khoa học công nghệ và chuyển đổi số đòi hỏi là rất lớn, trong khi nguồn ngân sách còn hạn chế, chưa đảm bảo tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương.

- Cơ sở hạ tầng CNTT, cơ sở vật chất, hệ thống máy móc tuy đã được đầu tư, nâng cấp, nhưng đôi khi vẫn gặp trục trặc trong quá trình vận hành, khai thác. Việc cung cấp, tiếp nhận và xử lý các thủ tục trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đôi khi chưa thông suốt, nhanh, kịp thời.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Trình độ số, kỹ năng số, năng lực số, nhận thức số của một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, ... còn chưa đồng đều. Một số người dân khai thác, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số, hồ sơ trực tuyến còn hạn chế, chưa đạt hiệu quả đáp ứng yêu cầu.

- Công tác phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ giữa các phòng, ngành, đơn vị, các đơn vị đầu mối đôi khi chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

IV. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

- Hoàn thành nhiệm vụ về đầu tư nâng cấp mạng nội bộ (mạng LAN) theo nguồn kinh phí bổ sung tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND tỉnh.

- Hoàn thành nhiệm vụ lắp đặt wifi công cộng tại các thôn, các điểm di tịch lịch sử được xếp hạng theo nguồn kinh phí bổ sung tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND tỉnh.

- Duy trì chữ ký số điện tử đạt tỷ lệ 100%.

- Duy trì tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và thanh toán phí, lệ phí của các thủ tục hành chính trực tuyến đạt từ 98% -100%.

- Hoàn thành nhiệm vụ về ứng dụng thành quả khoa học công nghệ cho 02 mô hình đã được phê duyệt trong quý 4/2026.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

- Tiếp tục bố trí kinh phí để đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin; hoàn thiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu; mở rộng kết nối với CSDL quốc gia. Có kế hoạch tuyển dụng, bố trí nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cho công tác tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Tiếp tục đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính quyền bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh công tác rà soát, chuẩn hóa dữ liệu nhằm thực hiện đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành tối ưu hóa quy trình, giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo người dân chỉ kê khai thông tin một lần khi giải quyết các thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính. Tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu số hóa với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái sử dụng thông tin khi người dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC khác mà không phải cung cấp lại thông tin đã có.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu, sử dụng hiệu quả Dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn cụ thể cho người dân, nhất là người lớn tuổi, người không rành công nghệ có thể nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Khi người dân nộp trực tuyến hồ sơ, các quy trình giải quyết hồ sơ, số hóa hồ sơ, số hóa kết quả sẽ rất nhanh và hiệu quả, giảm áp lực cho cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ năng số và vận hành hệ thống thông tin mới của cán bộ, công chức, viên chức theo từng lĩnh vực, cấp hành chính và nhóm đối tượng sử dụng; Xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn và báo cáo kết quả đào tạo để làm cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số hằng năm và đề xuất kế hoạch đào tạo bổ sung trong giai đoạn tiếp theo.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị đối với Thường trực Đảng ủy và TT HĐND xã; BCĐ xã

- Tiếp tục xem xét, bổ sung, kiện toàn cơ chế chính sách (đề nghị cấp có thẩm quyền kiện toàn cơ chế chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; tiếp tục bố trí nguồn nhân lực CNTT có chuyên môn chuyên trách.

- Xem xét, trình cấp có thẩm quyền tổ chức thực triển khai hỗ trợ cho người được UBND xã quyết định phân công trực tiếp chuyên trách đảm nhiệm nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị định của chính phủ.

- Tiếp tục chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trên đại bàn xã đảm bảo mục đích, yêu cầu, góp phần thúc đẩy phát triển

kinh tế - xã hội xã, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp xã Đại Đồng.

2. Kiến nghị đối với UBND xã

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với các nhiệm vụ chính trị của địa phương và gắn với các nhiệm vụ chuyên môn của ngành, lĩnh vực theo quy định.

3. Đề nghị sở Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cơ sở, nhất là người trực tiếp phụ trách công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chủ động rà soát, tổng hợp, lập biểu danh sách những nhiệm vụ cụ thể giao cho cấp xã, phường chủ trì thực hiện, đảm bảo tính đồng bồ, xuyên suốt, dễ thực hiện, dễ theo dõi, dễ tổng hợp báo cáo.

- Tiếp tục nghiên cứu, xem xét, tham mưu bố trí kinh phí dành cho công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhằm triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số một cách đồng bộ, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quý 3/2026, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã biết, tổng hợp và kịp thời chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành thuộc UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Thành